

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2023/DS-PT

Ngày 03/8/2023

V/v tranh chấp đòi lại quyền sử
dụng đất và yêu cầu công nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thạch Sà R;

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Ph, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Trần Việt H; địa chỉ cư trú: LK 02-41, đường C3, Khu dân cư M, khóm 1, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2023). (có mặt)

2. Bà Triệu Thị Thu Th; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Ph, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 23/6/2021). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Sơn L;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị N;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Sơn Thành Đ;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông Sơn Thành Đ1;

4. Bà Sơn Thị Yên Nh;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

5. Ông Sơn H1;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

6. Bà Sơn Thị Th1;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Bà Thạch Thị V;

8. Bà Thạch Thị Th2;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

9. Bà Lý Thị Sà V1;

10. Bà Thạch Thị Mỹ D;

11. Bà Thạch Thị Mỹ Nh1;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

12. Ngân hàng N;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N: Ông Lâm Minh T; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ làm việc: Số 10-10A, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N (văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023). (có mặt)

13. Bà Sơn Thị D1;

14. Bà Sơn Thị N1;

15. Bà Sơn Thị N2;

16. Bà Sơn Thị U;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Ph, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

17. Bà Sơn Thị Qua L1;

18. Ông Sơn A;

19. Ông Tào Ly N3;

20. Bà Sơn Thị Th3;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Thạch Sà R - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn ông Thạch Sà R và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Vào năm 1979, ông R có mua phần đất ngang 16m, dài 71m, thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng của bà Trần Thị D2 (dì ruột ông R, đã chết). Khi mua chỉ nói miệng, không làm giấy tờ gì. Sau khi mua đất khoảng 03 năm, ông R có cho ông Sơn C và Thạch Thị V cùng ở ấp Tr, xã Th mượn cất nhà ở cho đến khoảng hơn 01 năm thì ông C, bà V trả lại cho ông R. Đến năm 2001, ông R cho ông Sơn L mượn phần đất này cất nhà ở (căn nhà ngang 4m, dài 9m, nhà tình thương), việc cho mượn chỉ nói miệng, cũng không làm giấy tờ gì và chỉ thỏa thuận cất nhà ở tạm, không xây dựng nhà kiên cố. Đến tháng 02 năm 2021, ông L tự ý cất lại nhà kiên cố chiều ngang 6,2m, chiều dài 13m, không được sự đồng ý của ông R.

Nay ông R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L tháo dỡ, di dời nhà và các công trình khác trên đất, trả lại cho ông R phần đất theo đo đạc thực tế diện tích là 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với phần đất ông Sơn H1 đang cất chuồng bò thì ông R đồng ý cho ông H1 mượn sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu phân tố của ông L thì ông R không đồng ý.

Theo đơn phản tố và yêu cầu độc lập ngày 22 tháng 8 năm 2022, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Sơn L trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông, tên là Trần Thị S (chết cách đây 03 năm) và Sơn T1 (chết cách đây hơn 30 năm). Cha mẹ ông khai phá và sử dụng. Vào khoảng năm 1992, ông lấy vợ thì mẹ ông cho ông phần này và ông cất nhà tạm để ở vào năm 1992. Đến năm 2007, Nhà nước cho nhà tình thương ông cũng cất trên phần đất này. Tháng 02/2021, ông phá dỡ nhà tình thương cất nhà kiên cố để ở. Phần đất mẹ ông cho không có giấy tờ gì chỉ nói miệng. Đối với yêu cầu của ông R thì ông không đồng ý, vì phần đất mẹ ông đã cho ông vào năm 1992 và ông ở ổn định từ đó cho đến nay.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết tiếp tục ổn định và công nhận cho ông phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.218,9 m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu ông Sơn H1 tháo dỡ, di dời chuồng bò và bò, trả lại cho ông phần đất trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn H1 trình bày:

Phần đất đang tranh chấp giữa ông R với ông L có nguồn gốc là của ông ngoại ông tên là Trần U1 khai phá. Sau đó, ông ngoại ông cho lại di của ông là bà Trần Thị D2. Sau này, ông R (là anh của ông) mua lại của bà D2. Vào năm 2006, mẹ ông là bà Trần Thị S có kêu ông qua hỏi ông R để mượn phần đất cất chuồng bò thì ông R đồng ý nên ông xây dựng chuồng bò để nuôi bò sữa từ năm 2006 tới nay.

Ông R không yêu cầu ông trả lại phần đất chuồng bò thì ông thống nhất. Ông L trình bày đất cha mẹ cho ông L là không đúng, đó là đất ông R mua của bà D2 và ông R chỉ cho ông L mượn cất nhà ở tạm. Ông L yêu cầu ông tháo dỡ và di dời chuồng bò và bỏ trả đất cho ông L thì ông không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị V trình bày:

Phần đất đang tranh chấp giữa ông R với ông L có nguồn gốc là của ông ngoại bà tên là Trần U1 khai phá. Sau đó, ông ngoại của bà cho lại di bà là bà Trần Thị D2. Sau này, ông R là em của bà mua lại của bà D2 và cho ông Sơn L mượn cất nhà ở. Nay ông L trình bày đất cha mẹ cho ông L là không đúng, đó là đất ông R mua của bà D2.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N, cũng như người đại diện hợp pháp của Ngân hàng đều trình bày:

Vào ngày 02/11/2006 và ngày 12/10/2010, ông Sơn H1 và bà Sơn Thị Qua L1 có vay của Ngân hàng số tiền vốn là 60.000.000 đồng, đến nay chưa thanh toán tất nợ gốc 45.000.000 đồng và lãi phát sinh. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0765718 với diện tích 31.183m², trong đó có thửa 530. Nay giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp với nhau do một phần tài sản thuộc thửa số 530 đang thế chấp tại Ngân hàng không ảnh hưởng đến phần dư nợ vay của ông H1 và bà L1 nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Thạch Thị N, Sơn Thành Đ, Sơn Thành Đ1, Sơn Thị Yến Nh, Sơn Thị Th1, Thạch Thị Th2, Lý Thị Sà V1, Thạch Thị Mỹ D, Thạch Thị Mỹ Nh1, Sơn Thị N1, Sơn Thị N2, Sơn Thị Qua L1, Sơn A, Tào Ly N3, Sơn Thị Th3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng những người này đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại Bản án số 10/2023/DS-ST ngày 16/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Sà R, về việc yêu cầu ông Sơn L trả lại phần đất có diện tích 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Ngọc T2, có số đo 68,19m + 3,39m + 3,01m;
- Hướng Tây giáp đất ông Sơn H1 đang sử dụng, có số đo 73,62m + 6,4m;
- Hướng Nam giáp lộ bê tông, có số đo 16m.
- Hướng Bắc giáp phần đất của bà U Ch, có số đo 16m.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Sơn L, về việc yêu cầu tiếp tục ổn định và công nhận cho ông phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Ngọc T2, có số đo 68,19m + 3,39m + 3,01m;
- Hướng Tây giáp đất ông Sơn H1 đang sử dụng, có số đo 73,62m + 6,4m;
- Hướng Nam giáp lộ bê tông, có số đo 16m.
- Hướng Bắc giáp phần đất của bà U Ch, có số đo 16m.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Sơn L, về việc yêu cầu ông Sơn H1 tháo dỡ, di dời chuồng bò và bò trả lại cho ông phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần chuồng bò có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp, có số đo 15,56m;
- Hướng Tây giáp phần đất chuồng bò ông Sơn H1 đang sử dụng, có số đo 73,62m;
- Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp, có số đo 12,02m;
- Hướng Bắc giáp phần đất tranh chấp, có số đo 11,90m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất)

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 27/02/2023, ông R có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông L tháo dỡ, di dời nhà và vật kiến trúc, công trình trên đất, trả lại cho ông phần đất diện tích 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Thạch Thị N, Sơn Thành Đ1, Sơn Thị Yến Nh, Sơn Thị Th1, Thạch Thị V, Thạch Thị Th2, Lý Thị Sà V1, Thạch Thị Mỹ D, Thạch Thị Mỹ Nh1, Sơn Thị D1, Sơn Thị N1, Sơn Thị N2, Sơn Thị U, Sơn Thị Qua L1, Sơn A, Tào Ly N3 và Sơn Thị Th3 đều vắng mặt.

Những người đại diện hợp pháp của ông R không rút lại đơn khởi kiện, không rút kháng cáo; ông L không rút đơn phản tố và yêu cầu độc lập; đồng thời các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông R là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Thạch Thị N, Sơn Thành Đ1, Sơn Thị Yến Nh, Sơn Thị Th1, Thạch Thị V, Thạch Thị Th2, Lý Thị Sà V1, Thạch Thị Mỹ D, Thạch Thị Mỹ Nh1, Sơn Thị D1, Sơn Thị N1, Sơn Thị N2, Sơn Thị U, Sơn Thị Qua L1, Sơn A, Tào Ly N3 và Sơn Thị Th3: Những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cũng không có kháng cáo, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông R đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông R, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Phần đất tranh chấp giữa ông R với ông L có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Trần Ngọc T2 có số đo 68,19m + 3,39m + 3,01m, hướng Tây giáp đất ông Sơn H1 đang sử dụng có số đo 73,62m + 6,4m, hướng Nam giáp lộ bê tông có số đo 16m và hướng Bắc giáp phần đất của bà U Ch có số đo 16m. Trên đất tranh chấp có nhà của ông L, chuồng bò của ông Sơn H1. Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trần Thị D2. Các bên đương sự đều thừa nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là các tình tiết mà các đương sự không phải chứng minh.

[5] Theo Công văn số 210/UBND-VP ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng phúc đáp cho Tòa án thì thửa đất số 530 trên, Ủy ban

nhân dân huyện M đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị S ngày 27/02/1995. Thời điểm cấp giấy căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà S, được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã Th xét đủ điều kiện, không tranh chấp, Phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà S là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[6] Ông R cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Trần Thị D2 (dì của ông) bán cho ông vào năm 1979, đến năm 2001 thì ông cho ông L mượn cất nhà ở, tuy nhiên ông L không thừa nhận và cho rằng là đất của bà S (mẹ ông) cho ông vào năm 1992. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông R phải có nghĩa vụ chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ngoài lời trình bày ra thì ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh phần đất tranh chấp là của ông mua của bà D2, sau đó ông cho ông L mượn cất nhà ở, trong khi phần đất tranh chấp từ trước đến nay ông không kê khai, đăng ký theo quy định của pháp luật đất đai. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông R cũng thừa nhận biết mẹ mình là bà S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng từ khi mẹ ông được cấp giấy chứng nhận từ năm 1995 đến nay thì ông cũng không khiếu nại gì đến Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu buộc ông L tháo dỡ, di dời nhà và các công trình khác trên đất, trả lại diện tích đất tranh chấp nêu trên cho ông là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Ông kháng cáo cho rằng vào ngày 24/3/2021, tại nhà ông Sơn H1 thì ông L có thừa nhận phần đất tranh chấp là của ông, lúc này có đại diện Ủy ban nhân dân xã Th là ông Nguyễn Văn N4, ông Lâm Phùng L2 và bà Trần Thị Th4 - Trưởng ban nhân dân ấp Tr đến lập biên bản tại nhà ông H1. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm không thu thập được và ông cũng không cung cấp được biên bản này. Đồng thời, những anh, chị, em của ông như ông H1, bà V, bà Th2 cho rằng biết phần đất tranh chấp là của ông mua của bà D2 nhưng cũng chỉ là lời nói, không có căn cứ xác thực và các anh chị em của ông cũng không thuận thảo với ông L nên lời khai của những người này không đảm bảo tính khách quan. Do đó, kháng cáo của ông là không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông R và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[9] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông R là người kháng cáo không được chấp nhận, ông là người cao tuổi, thuộc một trong những trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và ông có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho ông.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Thạch Sà R.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Sà R, về việc yêu cầu ông Sơn L tháo dỡ, di dời nhà và các công trình khác trên đất, trả lại phần đất có diện tích 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Ngọc T2, có số đo 68,19m + 3,39m + 3,01m;*
- Hướng Tây giáp đất ông Sơn H1 đang sử dụng, có số đo 73,62m + 6,4m;*
- Hướng Nam giáp lộ bê tông, có số đo 16m.*
- Hướng Bắc giáp phần đất của bà U Ch, có số đo 16m.*

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Sơn L, về việc yêu cầu tiếp tục ổn định và công nhận cho ông phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Ngọc T2, có số đo 68,19m + 3,39m + 3,01m;*
- Hướng Tây giáp đất ông Sơn H1 đang sử dụng, có số đo 73,62m + 6,4m;*
- Hướng Nam giáp lộ bê tông, có số đo 16m.*
- Hướng Bắc giáp phần đất của bà U Ch, có số đo 16m.*

1.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Sơn L, về việc yêu cầu ông Sơn H1 tháo dỡ, di dời chuồng bò và bò trả lại cho ông phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.218,9m², thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Tr, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần chuồng bò có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp, có số đo 15,56m;
- Hướng Tây giáp phần đất chuồng bò ông Sơn H1 đang sử dụng, có số đo 73,62m;
- Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp, có số đo 12,02m;
- Hướng Bắc giáp phần đất tranh chấp, có số đo 11,90m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất)

1.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Ông Thạch Sà R và ông Sơn L mỗi người phải chịu là 3.950.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Thạch Sà R đã nộp tạm ứng trước 7.900.000 đồng (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng) nên ông Sơn L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Thạch Sà R 3.950.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

1.5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thạch Sà R được miễn.

Ông Sơn L phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005524 ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông còn phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thạch Sà R được miễn.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm

